TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẢNG TRẠCH
TỈNH QUẢNG BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2021/HS-ST
Ngày 06-01-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG TRẠCH, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Ngọc Thực

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Đào và ông Phan Xuân Lợi

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Kim Dung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Duẫn - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 53/2020/TLST-HS ngày 25 tháng 11 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2020/QĐXXST-HS ngày 24/12/2020, đối với bị cáo:

Nguyễn Thị T, sinh ngày 26/02/1993; tại: xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; nơi cư trú: thôn H, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: Đánh bắt thủy hải sản; trình độ văn hoá: lớp 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn H và bà Nguyễn Thị H; chồng Phạm Minh T và có 04 con; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú", có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Anh Đồng Nam H, sinh năm 1984; nơi cư trú: thôn T, xã C, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Ông Trần Văn L, sinh năm 1963; nơi cư trú: TDP M, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Sáng ngày 24/8/2020, Nguyễn Thị T đi đến chợ Cầu thuộc thôn Hải Đông, xã Quảng Phú thì gặp ông Trần Văn L là người thu mua phế liệu. Khi gặp ông L, T hỏi: "Có mua Tăng phô không", ông L trả lời: "Có thì bác mua", sau đó T đi về nhà của mình. Đến khoảng 03 giờ sáng ngày 25/8/2020, T thức dậy nói với chồng là Phạm Minh T: "Chồng ơi, coi con để em đi vệ sinh cái", T dậy đi vệ sinh, sau đó vào giặt áo quần. Giặt áo quần xong T đi vào nhà mặc thêm áo, quần và mang theo 01 cái đèn pin, loại đèn pin đội đầu rồi đi bộ xuống bờ sông thuộc thôn Hải Đông, xã Quảng Phú nơi có chiếc thuyền thúng. T sử dụng thuyền thúng và chèo về hướng bãi tàu đang neo đậu tại thôn Thượng Giang, xã Cảnh Dương. Khi đến nơi, T nhìn thấy 03 tàu cá đang neo đậu với nhau, trong đó có tàu cá mang số hiệu QB 93361TS, là tàu cá của anh Đồng Nam H, quan sát xung quanh không có người trông coi nên T chèo thúng của mình tiến gần và leo lên tàu rồi đột nhập vào bên trong tàu dùng đèn pin chiếu sáng để tìm kiếm tài sản. T nhìn thấy hệ thống Tăng phô của tàu được lắp đặt ở góc bên trái, gần cánh cửa chính của tàu nên T dùng một con dao cắt hai đầu dây điện của Tăng phô lấy ra 08 cái Tăng phô. Sau khi tháo được Tăng phô thì T vận chuyển xuống thuyền thúng của mình, rồi chèo đi về. Khi đến cầu thuộc thôn Hải Đông, xã Quảng Phú thì T buộc thuyền thúng ở đây rồi đi về nhà ngủ. Đến khoảng 05 giờ 30 phút cùng ngày, T mượn điện thoại của chị Phạm Thị Xoan, là người cùng thôn gọi cho ông L, hẹn đến khu vực dưới chân cầu Ròon để bán số Tăng phô. Khoảng 06 giờ 10 phút cùng ngày, ông L đến chân cầu Roòn thuộc xã Quảng Phú thì T chèo thuyền thúng chở theo 08 cái Tăng phô vừa trộm cắp được đến và hai bên thống nhất mua bán với giá 1.750.000 đồng. Trong quá trình mua bán ông L có hỏi T: "Tăng phô của ai đây", T nói: "Tăng phô trên thuyền của cháu, thuyền của cháu không chạy nữa nên đem bán". Sau đó, T chèo thuyền về, ông L mang số Tăng phô vừa mua được đến cửa hàng thu mua phế liệu của bà Lan ở thôn Di Lộc, xã Quảng Tùng để tháo lõi đồng ra chuẩn bị bán cho cơ sở thu mua phế liệu thì bị lực lượng Công an huyện Quảng Trạch phát hiện, tạm giữ tang vật và mời về làm việc.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 39/KL-HĐ ngày 27/8/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Quảng Trạch, kết luận: 08 (tám) Tăng phô đèn tàu cá thương hiệu CITYLIGHT, công suất tiêu thụ 1000W là 9.600.000 đồng; công lắp đặt của 08 Tăng phô là 1.000.000 đồng. Tổng giá trị là 10.600.000 đồng.

Về vật chứng của vụ án: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình đã thu giữ các vật chứng, tài sản liên quan đến vụ án để

điều tra và xử lý theo quy định của pháp luật. Đối với chiếc thuyền thúng, đèn pin đội đầu, 01 con dao và 01 tấm tôn bằng kim loại đã được Cơ quan CSĐT Công an huyện Quảng Trạch tiến hành truy tìm, tìm kiếm nhưng không tìm được.

Về trách nhiệm dân sự: Nguyễn Thị T và bị hại anh Đồng Nam H đã thỏa thuận bồi thường dân sự, bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho anh Huy số tiền là 10.000.000 đồng. Bị cáo cũng đã thỏa thuận và hoàn trả cho ông Trần Văn L số tiền 1.750.000 đồng là tiền ông L mua 08 cái Tăng phô mà T bán, do khi mua ông L không biết đó là tài sản do trộm cắp mà có.

Tại bản Cáo trạng số 57/CT-VKSQT ngày 25 tháng 11 năm 2020, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị T về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo theo toàn bộ nội dung cáo trạng, có xem xét đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; các điểm b, i, s khoản 1; khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Về tội danh: tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị T phạm tội "Trộm cắp tài sản"; về hình phạt: xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T từ 09 tháng đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm; về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: không xem xét; về án phí: buộc bị cáo Nguyễn Thị T phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm để sung vào công quỹ nhà nước.

Bị cáo nhận thấy hành vi trộm cắp tài sản mà mình đã thực hiện là vi phạm pháp luật, đã sai phạm. Bị cáo nhất trí với tội danh, khung hình phạt mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình đã truy tố, kết tội bị cáo. Bị cáo có ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại

gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thị T đã thừa nhận và thống nhất khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội trộm cắp tài sản trên tàu cá của anh Đồng Nam H mà bị cáo đã thực hiện. Bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở, thiếu cảnh giác trong việc quản lý, bảo vệ tài sản của chủ sở hữu, đã lén lút đột nhập vào tàu đánh bắt cá của anh Đồng Nam H trộm cắp tài sản là 08 cái Tăng phô đèn tàu cá nhằm mục đích bán lấy tiền tiêu xài, phục vụ nhu cầu cá nhân của mình. Tổng giá trị tài sản mà bị cáo đã chiếm đoạt của bị hại theo kết luận của cơ quan chuyên môn là 10.600.000 đồng. Đối chiếu lời khai nhận hành vi phạm tội của bị cáo tại phiên tòa và trong quá trình điều tra là hoàn toàn phù hợp và thống nhất với nhau, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tranh tụng tại phiên tòa. Vì vậy, Hội đồng xét xử đã có đủ căn cứ kết luận, bị cáo Nguyễn Thị T phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

[3] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, đồng thời còn xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội nói chung, gây tâm lý bất bình trong nhân dân. Vì muốn có tiền phục vụ mục đích bản thân bị cáo đã coi thường pháp luật, coi thường tài sản của người khác, cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, cần quyết định một hình phạt tương xứng đối với tính chất của hành vi phạm tội, mức độ, hậu quả mà bị cáo gây ra. Nhằm để răn đe, giáo dục bị cáo có ý thức tuân thủ pháp luật và quy tắc của cuộc sống, đồng thời phòng ngừa và đấu tranh phòng chống tội phạm trong xã hội, giữ gìn trật tự công cộng.

[4] Xét về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự thì bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Xét về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo thấy rằng: bị cáo có nhân thân tốt; đã bồi thường, hoàn trả đầy đủ thiệt hại, khắc phục hậu quả gây ra; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nhận thức được việc làm sai trái của mình để có hướng khắc phục, sửa chữa lỗi lầm; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo được phía bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, i, s khoản 1; khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, được áp dụng cho bị cáo khi quyết định hình phạt.

[5] Xét quan điểm đề xuất của Kiểm sát viên về việc áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo là phù hợp. Tuy nhiên, đề xuất áp dụng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo đối với bị cáo là nghiêm.

[6] Từ những nhận định, đánh giá trên, Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo phạm tội lần đầu, có nhân thân tốt, có nơi cư trú ổn định, có đủ điều kiện được rèn luyện, cải tạo, giáo dục tại địa phương nên chưa cần thiết buộc phải cách ly ra khỏi xã hội mà căn cứ Điều 36 của Bộ luật Hình sự, xét xử cho bị cáo hình phạt cải tạo không giam giữ, giao về chính quyền địa phương phối hợp cùng gia đình theo dõi, giám sát cũng đủ tính răn đe, giáo dục. Bị cáo T có hoàn cảnh khó khăn, không có công việc và thu nhập ổn định, có chồng bị bệnh và phải nuôi dưỡng 04 con nhỏ vì vậy miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo trong thời gian chấp hành án.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Tài sản mà bị cáo chiếm đoạt đã được thu giữ giao trả cho bị hại, tuy nhiên số Tăng phô đã bị tháo gỡ, đập vỡ lớp võ bên ngoài không thể tiếp tục sử dụng được và giữa bị cáo với bị hại đã thỏa thuận dân sự, theo đó bị cáo đã bồi thường đầy đủ theo yêu cầu của bị hại anh Đồng Nam H số tiền là 10.000.000 đồng. Đối với ông Trần Văn L là người mua tài sản do bị cáo đem bán nhưng xác định trong quá trình mua bán ông L không biết tài sản đó là do phạm tội mà có nên không bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Bị cáo đã bán tài sản trộm cắp được cho ông L lấy số tiền 1.750.000 đồng nên bị cáo phải có trách nhiệm hoàn trả cho ông L. Giữa bị cáo và ông L đã thỏa thuận bồi hoàn số tiền trên và bị cáo đã thực hiện bồi hoàn đầy đủ số tiền 1.750.000 đồng cho ông L. Đến tại phiên tòa hôm nay bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến, yêu cầu gì thêm về trách nhiệm bồi thường thiệt hại, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về xử lý vật chứng: Vật chứng của vụ án đã được cơ quan có thẩm quyền tạm giữ để điều tra và được xử lý theo quy định của pháp luật. Đến tại phiên tòa không ai có ý kiến, yêu cầu gì thêm, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, buộc bị cáo Nguyễn Thị T phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; các điểm b, i, s khoản 1; khoản 2 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T 10 (mười) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục bị cáo nhận được quyết định thi hành án và bản án.

Miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Nguyễn Thị T trong thời gian chấp hành án

Giao bị cáo Nguyễn Thị T cho Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình phối hợp cùng gia đình giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

3. Về trách nhiệm dân sự: Không xem xét.

4. Về xử lý vật chứng: Không xem xét.

5. Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Thị T phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm để sung vào công quỹ nhà nước.

Báo cho bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Bình;
- Công an huyện Quảng Trạch;
- VKSND huyện Quảng Trạch;
- THADS huyện Quảng Trạch;
- Bị cáo; NTGTT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Võ Ngọc Thực